

Bản án số: 399/2026/DS-PT  
Ngày 29 - 4 - 2026  
“V/v Tranh chấp quyền sử  
dụng đất”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Phương

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Toàn

Ông Phạm Tiến Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Kim Mộc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:* Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 230/2026/TLPT – DS ngày 13 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2025/DS - ST, ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 14 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 430/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 399/2026/QĐ-PT, ngày 02 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

1.1. Ông Nguyễn Kế N, sinh năm 1964 (Có mặt).

1.2. Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Thùy D ủy quyền cho ông Nguyễn Kế N.

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã Đ, thành phố Cần Thơ).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1951 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã Đ, thành phố Cần Thơ).

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn (Theo Văn bản ủy quyền ngày 09/4/2026): Ông Trần Quốc H, sinh năm 1997.*

Địa chỉ: Số F, đường C, khu V, phường A, thành phố Cần Thơ.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Duy P, sinh năm 1990 (Có đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp X, thành phố Cần Thơ).

3.2. Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1978 (Có đơn yêu cầu vắng mặt).

3.3. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1953 (Có mặt).

3.4. Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1980 (Có mặt).

3.5. Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1978 (Có đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã Đ, thành phố Cần Thơ).

3.6. Ngân hàng N3.

*Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc. Trụ sở: Số 02, Phố L, phường G, thành phố Hà Nội.*

Đại diện tham gia tố tụng ông Võ Thanh T3; Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N3 – Chi nhánh Đ - Hậu Giang (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số E, Quốc lộ F, Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã Đ, thành phố Cần Thơ).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Thanh T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:*

*Nguyên đơn trình bày:* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đó xác định phần đất tranh chấp tại các vị trí Va, vị trí Vb; vị trí Vd 48,7m<sup>2</sup> yêu cầu tháo dỡ hàng rào, một phần nhà bếp trả lại đất cho ông tại vị trí Vd. Về nguồn gốc đất là do ông N nhận chuyển nhượng của người khác không rõ họ tên, sau đó ông kê khai lại và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 gồm 04 thửa 968, thửa 969, thửa 1474, thửa 950; thửa 950 thì do cha mẹ cho, còn 03 thửa còn lại thì ông sang của người khác và sử dụng cho đến nay, hai

thửa 968, 969 của ông thì giáp ranh với ông V1 và ông T. Nguyên đơn thống nhất kết quả đo đạc và định giá.

*Bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị H2 cùng trình bày:*

Ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông bà cho rằng trước đây ngay vị trí hàng rào ông bà xây dựng năm 2013 là trụ bê tông cốt thép, rào lưới B40, trước đây ngay sát vị trí hàng rào thì có hàng gòn do ông N trồng, thì ông bà có hỏi chặt để làm hàng rào hiện nay, khi làm hàng rào thì có kêu ông N ra chứng kiến nhưng không có phản đối gì, hàng rào nằm phía bên đất bị đơn và nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn, đối với nhà sau cất năm 2008 có kết cấu như kết quả thẩm định, hiện ông bà đang sử dụng, lúc ông cất nhà sau thì ông N có ở kế bên đất nên có biết việc ông bà cất nhà, ông N cho rằng ông lấn ranh là không có cơ sở.

*Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

*Bà Nguyễn Thị Thanh T2 trình bày:* Nền đất cha bà cho bà là do ông Nguyễn Thanh T hiện đang sinh sống là do ông nội bà để lại đã có từ lâu, phần ranh đất giữa cha bà và ông T đã có được bằng hàng rào cây xanh từ trước đến nay không ai nói là lấn ranh, cuộc sống của hai gia đình rất hòa thuận, đề nghị Tòa án xem xét lại phần ranh đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giấy hai bên theo quy định. Bà T2 có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt.

*Ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:* Phần đất cha là ông Nguyễn Thanh T hiện nay đang sinh sống là do ông N1 ông để lại, có từ lâu, hiện ranh đất giữa cha ông và ông N đã xác định bằng hàng rào cây xanh từ trước đến nay không ai nói là lấn ranh, cuộc sống của hai gia đình rất hòa thuận, đề nghị Tòa án xem xét lại phần ranh đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giấy hai bên theo quy định. Ông T1 có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt.

*Ông Nguyễn Duy P trình bày:* Ông biết nguồn gốc đất này do cha mẹ ông mua lại của một người không rõ họ tên, vào ngày 13/03/1999 Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 4512m<sup>2</sup> có tứ cạnh là ông Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thanh T, phía sau là ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Hồng N2, qua nhiều năm bỏ không nên ông Nguyễn Thanh T lấn ranh sang phần đất của cha ông diện tích phía trước khoản 0,3m chạy dài khoảng 22m, đoạn giữa là 0,8m dài khoản 38m; đoạn cuối 2m dài khoản 16m, nay ông làm bản tự khai yêu cầu ông T trả lại phần đất có diện tích nói trên cho gia đình ông. Ông P có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Bà Nguyễn Thị Thanh H1 và Nguyễn Thị H2 cùng trình bày: Bà H2 là vợ ông T còn bà H1 là con ông T, bà H1 thì ở trên đất từ lâu, thống nhất với lời trình bày của ông T tại biên bản ngày 24/12/2024 và biên bản ngày 22/01/2024 đề nghị giải quyết vắng mặt.

Ngày 29/7/2025 Ngân hàng N3 – Chi nhánh Đ - Hậu Giang có Văn bản số 224/ĐYC có đơn yêu cầu vắng mặt tham gia tố tụng và trình bày: Trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Kế N và ông Nguyễn Thanh T với diện tích đất nhỏ, không làm ảnh hưởng đến giá trị tài sản thế chấp để bảo đảm khoản vay của ông Nguyễn Kế N tại Ngân hàng N3 – Chi nhánh Đ, thời gian vay vốn tại ngân hàng ông N thanh toán nợ gốc và lãi đúng kỳ hạn thỏa thuận với ngân hàng (tổng số nợ vay tạm tính đến hết ngày 29/7/2025 là 5.021.096 đồng), vì vậy ngân hàng đề nghị được vắng mặt tham gia tố tụng trong tất cả các buổi hòa giải và xét xử của Tòa án, nếu có tranh chấp giữa ông Nguyễn Kế N và Ngân hàng N3 – Chi nhánh Đ - Hậu Giang sẽ khởi kiện thành một vụ án khác.

Tại Bản án sơ thẩm số 53/2025/DS-ST ngày 18/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ, tuyên xử:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn Nguyễn Thanh T.

Bị đơn có trách nhiệm di dời hàng rào lưới B40 trụ đá bê tông cốt thép khỏi phần đất vị trí Vb diện tích 1,7m<sup>2</sup> trả lại phần đất này cho nguyên đơn.

Ôn định cho ông Nguyễn Thanh T phần đất diện tích tại vị trí Vc trong đó có diện tích nhà sau của bị đơn diện tích 19,7m<sup>2</sup>.

Xác định phần đất tại vị trí Vd diện tích 29,0m<sup>2</sup> là của ông Nguyễn Kế N và bị đơn có trách nhiệm trả lại phần đất tại vị trí Vd diện tích 29,0m<sup>2</sup> cho nguyên đơn.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, bị đơn ông Nguyễn Thanh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bị đơn cho rằng đất của ông và nguyên đơn không có trụ ranh, ông yêu cầu Tòa án tiến hành đo đạc lại phần ranh đất của ông với ông N đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa nhận định từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhận định đất của nguyên đơn ông Nguyễn Kế N và đất của bị đơn ông Nguyễn Thanh T có ranh thẳng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ các bên đương sự ông N và ông T đều có mặt chứng kiến việc xem xét thẩm định, không ai có khiếu nại về trình tự thủ tục do Tòa sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo yêu cầu xem xét thẩm định lại đối với phần đất tranh chấp. Trong thực tiễn sử dụng đất phần ranh đất của các bên không còn thẳng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần ranh giới đã lệch về phía của bị đơn như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:*

Nguyên đơn ông Nguyễn Kế N khởi kiện cho rằng bị đơn ông Nguyễn Thanh T có sử dụng lấn qua phần đất của ông, yêu cầu trả lại phần đất lấn chiếm. Phần đất tọa lạc tại xã Đ, thành phố Cần Thơ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp quyền sử dụng đất” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (Sau đây viết tắt là Bộ luật Tố tụng dân sự).

[1.2] *Về thủ tục kháng cáo*

Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Thanh T kháng cáo bản án sơ thẩm, đúng quy định tại các điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành đo đạc lại phần đất có tranh chấp, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, khôi phục ổn định hiện trạng sử dụng đất theo sơ đồ kỹ thuật Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là một đường thẳng như hiện trạng sử dụng.

[2.1] Theo mảnh trích đo địa chính số 126 ngày 30/6/2025 của Công ty TNHH Đ1, các bên đương sự thống nhất diện tích tranh chấp tại vị trí Va diện tích 1,2m<sup>2</sup> loại đất; vị trí tranh chấp Vb diện tích 1,7m<sup>2</sup> loại đất ONT; phần đất tranh chấp vị trí Vc diện tích 19,7m<sup>2</sup>, vị trí Vd diện tích 29,0m<sup>2</sup>, tổng cộng là 48,7m<sup>2</sup>; nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại phần đất tranh chấp cho ông N.

Theo kết quả đo đạc thực tế phần đất tranh chấp ngày 30/6/2025 của Công ty TNHH Đ1 bản đồ tín Phát thì phần đất không tranh chấp của ông N tại vị trí III thửa 968 diện tích 198,3m<sup>2</sup>, còn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa 968 của ông N diện tích được cấp theo giấy chứng nhận là 200m<sup>2</sup>. Như vậy thửa 968 của ông N thiếu diện tích 1,7m<sup>2</sup>, cộng diện tích đất tại vị trí Vb diện tích 1,7m<sup>2</sup> cùng với diện tích ông N ổn định sử dụng là đủ diện tích được cấp giấy, nên có cơ sở buộc bị đơn di dời hàng rào khỏi phần đất vị trí Vb trả lại đất lần chiếm cho ông N. Đối với phần đất tại vị trí IV diện tích đo đạc thực tế là 706,8m<sup>2</sup> thuộc thửa 969, nhưng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Kế N đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/03/1999 thửa 969 của nguyên đơn có diện tích là 920m<sup>2</sup>. Vì vậy, cộng cả diện tích tranh chấp tại vị trí Vc diện tích 19,7 m<sup>2</sup> và vị trí Vd 29,0m<sup>2</sup> thì diện tích thửa này là 755,5m<sup>2</sup> là thiếu so với diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N. Tại vị trí Vc có dính một phần nhà sau của bị đơn, diện tích 19,7m<sup>2</sup> diện tích không lớn nếu buộc tháo dỡ sẽ gây thiệt hại nên cần ổn định vị trí Vc cho bị đơn, đối với phần đất vị trí Vd (trên đất có 03 cây dừa của nguyên đơn trồng) nên cần buộc bị đơn trả lại diện tích tích 29m<sup>2</sup> cho nguyên đơn là phù hợp.

Đối với phần đất không tranh chấp của ông Nguyễn Thanh T đang sử dụng ổn định không tranh chấp theo thực tế đo đạc tại vị trí I diện tích 208,8m<sup>2</sup> loại đất ONT thuộc thửa 967 thiếu 1,2m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất nên cộng diện tích tại vị trí Va là đủ diện tích thửa này của bị đơn; thực tế đo đạc tại vị trí II thửa 966 diện tích 1.012,9m<sup>2</sup>, vị trí VI diện tích 120,4 m<sup>2</sup> loại đất CLN thuộc thửa 966 tờ bản đồ 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000383 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 30/12/1999 cho hộ Nguyễn Thị Thanh H1 (đến ngày 23/01/2009 tặng cho Hộ ông Nguyễn Thanh T). Như vậy, diện tích thửa 966 của ông T không tranh chấp đang sử dụng diện tích là 1012,9m<sup>2</sup> + 120,4m<sup>2</sup> = 1.133,3m<sup>2</sup> là dư 39,3m<sup>2</sup>.

Theo kết quả thẩm định thì trên phần đất tranh chấp: có hàng rào diện tích 1,2 x 36,5m kết cấu trụ bê tông cốt thép, rào lưới B40; Một phần nhà sau diện tích 4,2 x 3,3m trong đó diện tích tranh chấp 11,8m<sup>2</sup>; có kết cấu khung cột bê tông cốt thép tiền chế, mái tol, vách tol, nền gạch bông; Cây trồng trên đất 03 cây dừa loại A.

Tại Công văn số 4867/UBND ngày 30/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang xác định trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000427 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/03/1999 cho hộ ông Nguyễn Kế N và bà Nguyễn Thị Thùy D đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 2, và Điều 24, Điều 36 Luật Đất đai 1993.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn tháo dỡ di, dời một phần hàng rào khỏi phần đất vị trí V2 để trả lại đất cho Nguyên đơn và trả lại đất phần đất tranh chấp Vd có 03 cây dừa cho nguyên đơn là có cơ sở.

[2.2] Từ những nhận định có cơ sở chấp nhận đề nghị Đại diện Viện kiểm sát; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bị đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do bị đơn là người cáo tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2025;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T, giữ nguyên Bản án số 53/2025/DS-ST ngày 18/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn Nguyễn Thanh T.

Bị đơn có trách nhiệm di dời hàng rào lưới B40 trụ đá bê tông cốt thép khỏi phần đất vị trí (V3) diện tích 1,7m<sup>2</sup> trả lại phần đất này cho nguyên đơn.

Ôn định cho ông Nguyễn Thanh T phần đất diện tích tại vị trí (V) trong đó có diện tích nhà sau của bị đơn diện tích 19,7m<sup>2</sup>.

Xác định phần đất tại vị trí (V4) diện tích 29,0m<sup>2</sup> là của ông Nguyễn Kế N và bị đơn có trách nhiệm trả lại phần đất tại vị trí (V) diện tích 29,0m<sup>2</sup> cho nguyên đơn.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được nhận lại 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí theo số 0002784 ngày 20/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 14 – Cần Thơ); Bị đơn phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Chi phí tố tụng: Buộc bị đơn phải chịu 7.300.000đồng (bảy triệu ba trăm nghìn đồng). Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước số tiền 7.300.000.000đồng (bảy triệu ba trăm nghìn đồng), bị đơn phải nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 14 – Cần Thơ để trả lại cho nguyên đơn.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Nhưng bị đơn thuộc trường hợp người cao tuổi, được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- PTHADS Khu vực 14 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ Thị Phụng**